

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06/4/2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU – TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Huỳnh Bình

+ Bà Nguyễn Ngọc Cúc

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đặng Quang Tuyền – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Ông Cao Kỳ Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 241/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 06 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17/01/2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 15/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17/02/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10/3/2022 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa xét xử sơ thẩm số 41/2022/TB-TA ngày 16/3/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

- *Bị đơn:* Ông Trần Hòa C, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp Ô, xã T, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

(Bà Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Trần Hòa C vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Hòa C tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn và được UBND xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 03/8/2005. Thời gian đầu chung sống, tình cảm vợ chồng tốt đẹp và hạnh phúc, tuy nhiên từ năm 2018 đến nay giữa bà và ông C thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, xích mích, bất đồng quan điểm sống trong đời sống hôn nhân dẫn đến tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống cùng nhau, nguyên nhân là do ông C thiếu trách nhiệm với vợ con và gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt rồi có hành vi bạo lực với bà và con chung, đuổi bà ra khỏi nhà. Bà đã nhiều lần khuyên nhủ, nhưng ông C không có thiện chí thay đổi thậm chí còn có lời lẽ khiếm nhã, thô tục, thiếu tôn trọng đối với bà. Vì không muốn hạnh phúc gia đình đổ vỡ, đã nhiều lần hai vợ chồng ngồi lại tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không có kết quả, nên bà và ông C đã sống ly thân với nhau từ năm 2020 đến nay. Nhận thấy tình cảm với chồng thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà làm đơn xin ly hôn với ông Trần Hòa C.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Trần Hòa Đ, sinh ngày 21/12/2005. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, giáo dục cháu Đ, không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/7/2021, bị đơn ông Trần Hòa C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị T có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ông C thừa nhận trong cuộc sống hôn nhân giữa ông và bà T có phát sinh mâu thuẫn và hiện nay cả hai đã sống ly thân với nhau từ tháng 06 năm 2020; bà T hiện sinh sống ở đâu ông không biết.

Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thị T có 01 người con chung là cháu Trần Hòa Đ, sinh ngày 21/12/2005. Theo ông C thì hiện nay cháu Đ đã lớn nên cháu có thể tự quyết định việc mình ở với bố hay mẹ nên đề nghị Tòa án tiến hành lấy lời khai của cháu Đ. Bà T không yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi con thì ông đồng ý.

+Về tài sản chung: Giữa ông bà Nguyễn Thị T có tạo lập được 01 căn nhà tại ấp ông Hường, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu là căn nhà mà ông đang sinh sống. Đối với tài sản này, ông yêu cầu Tòa án chia đôi.

+ Về nợ chung: Không có nợ chung.

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án xác định là đúng và đầy đủ;

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền;

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án giải quyết trong hạn luật định;
+ Về thu thập chứng cứ: Tòa án thu thập chứng cứ đầy đủ và đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự: chấp hành và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Trần Hòa C. Giao cháu Trần Hòa Đ cho bà T nuôi dưỡng. Tạm thời ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

Án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Hòa C, ông C có địa chỉ tại: Ấp Ô, xã T, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai; Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn, yêu cầu được nuôi con nên xác định quan hệ pháp luật của vụ án là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Trần Hòa C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có đơn xin vắng mặt, căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Hòa C có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 03/8/2005 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại các Điều 11, 12, 13 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Quá trình chung sống, ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa ông, bà tại địa phương nơi cư trú cho thấy: Bà T và ông C sau khi kết hôn chung sống tại xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ khoảng tháng 6 năm 2020 cho đến nay. Điều này cũng phù hợp với trình bày của các đương sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án

đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tổ chức hòa giải nhiều lần nhưng ông C vẫn vắng mặt không đến Tòa, không có lý do chính đáng nên không thể tiến hành hòa giải. Điều này cho thấy ông C không muốn hòa giải, đoàn tụ gia đình. Bà T vẫn cương quyết được ly hôn với ông C do không thể tiếp tục sống chung được nữa. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông C là có thật, kéo dài, không thể hàn gắn nên yêu cầu của bà T về việc ly hôn là có cơ sở chấp nhận, cho bà T được ly hôn với ông Trần Hòa C.

- Về con chung: Bà T và ông C có 01 con chung tên Trần Hòa Đ, sinh ngày 21/12/2005. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ. Ông C đề nghị lấy lời khai của cháu Đ về nguyện vọng của cháu ở với cha hoặc mẹ sau khi cha, mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy bà T đã trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đ từ khi vợ chồng ông bà ly thân cho đến nay. Bà T có nơi cư trú rõ ràng, có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Việc giao cháu Đ cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ. Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Đ cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Do bà T không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung:

+ Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Ông C có trình bày: trong thời gian chung sống, ông bà có tài sản chung là ngôi nhà ông đang sinh sống, đề nghị Tòa án chia tài sản chung này. Tòa án đã ra thông báo giao nộp tài liệu, chứng cứ số 01/2021/TB-TA ngày 01/7/2021, nhưng hết thời hạn theo thông báo và trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ông C vẫn không có yêu cầu khởi kiện về chia tài sản khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án.

Bà T, ông C có quyền khởi kiện chia tài sản sau ly hôn bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

- Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được tính trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu **số 0006335 ngày 22/6/2021** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Bà T đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 238 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 11, 12, 13 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 9, 51, 56, 57, 58, 59, **81, 82, 83, 84 và** 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Trần Hòa C.

- Về con chung: Giao cháu Trần Hòa Đ, sinh ngày 21/12/2005 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông Trần Hòa C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Hòa C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở ông C thực hiện quyền này.

Khi điều kiện thay đổi và vì quyền lợi của con, đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, thay đổi cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được tính trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu **số 0006335 ngày 22/6/2021** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Bà T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Hòa C vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- UBND xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa
- Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Nhung

